

## TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VỀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ (1858 - 1918)

VÕ PHÚC CHÂU\*

1. Chỉ xét chặng đường ngắn ngủi, từ 1858 đến 1918, biết bao người con ưu tú của Nam Bộ đã vùng lên chiến đấu chống ngoại xâm và hy sinhล้ม liệt. Sự hy sinh của họ được nhìn nhận qua những thái độ tình cảm, cách nhìn khác nhau. Triều Nguyễn, thông qua lịch sử chính thống, có phần khe khắt và hẹp hòi khi đánh giá công trạng những anh hùng kháng Pháp. Chỉ có nhân dân mới thấy hết tầm vóc và sự bất tử của những tấm gương vì dân mộ nghĩa.

Truyền thuyết về anh hùng kháng Pháp, về những địa danh lịch sử đã hiện diện nơi này nơi khác, tập trung hoặc rời rạc,... trong các tư liệu sưu tầm văn học dân gian, trong tư liệu khảo cứu, từ ký ức người dân...

2. Truyền thuyết là một thể loại lớn trong văn học dân gian, đã hình thành, vận động và phát triển lâu đời. Nó là thể loại có sự giao thoa với thần thoại, cổ tích. Thậm chí, nó còn mờ nhòe trong giai thoại. Và mọi nơi, mọi lúc, nó đều liên quan đến tín ngưỡng, không khí của lễ hội, sức mạnh của niềm tin,...

Bản thân thể loại vốn đã phức tạp. Sự hiện diện của nó trong giai đoạn lịch sử từ nửa cuối thế kỷ XIX, ở Nam Bộ, lại càng phức tạp hơn. Những truyền thuyết kể về thời này, hầu hết, đều mang vết nhuần sắc của cá nhân người đời sau, tồn tại qua các loại văn bản. Điều đó buộc giới nghiên cứu phải cân nhắc, khi ranh giới giữa dân gian và sử biên niên khá mờ nhạt. Ngay như nội hàm thuật ngữ **dân gian**, giờ phải được hiểu ra sao, khi nhiều câu chuyện đã qua tay các chuyên gia, học giả? Bên cạnh đó, những yếu tố hoang đường,

---

\* Thạc sĩ Trường Trung học phổ thông chuyên Tiền Giang.

vẻ đẹp đặc trưng, luôn tỏa cầu vồng lung linh trên vòm trời truyền thuyết, giờ lại tàn đầu mất trong nhiều câu chuyện ảm đạm, đau thương; mà chỉ còn lại những số liệu, sự kiện lạnh lùng? Liệu thể loại truyền thuyết còn giữ được bản chất của nó, khi vận động đến nửa cuối thế kỷ XIX này? Chưa kể, ở đây, truyền thuyết và giai thoại lại có xu hướng xâm nhập vào nhau, khiến người đọc không dễ định danh thể loại cho nhiều câu chuyện.

Chúng tôi tự giới hạn đối tượng nghiên cứu là cuộc kháng chiến chống Pháp ở đất Gia Định xưa, sau được gọi là Nam Kỳ lục tỉnh, giờ là các tỉnh thành Nam Bộ - miền đất trải dài từ lưu vực sông Đồng Nai đến phần hạ lưu của chín nhánh sông Rừng. Còn giới hạn thời gian, chọn giai đoạn từ 1858 đến 1918, chúng tôi dựa vào mốc khảo sát của một số nhà nghiên cứu sử học để tìm bản chất của đối tượng, tính chân thật của sự kiện<sup>1</sup>. Dĩ nhiên, chúng chỉ mang tính tương đối; và đúng hơn, các mốc này chỉ có ý nghĩa giới hạn đề tài mà truyền thuyết đề cập đến.

3. Để tuyển chọn và biên soạn tác phẩm, chúng tôi dựa vào 3 tiêu chuẩn: *văn bản phải đúng thể loại truyền thuyết; phải kể về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918); phải có “chất dân gian”*. Ở công đoạn này, chúng tôi lần lượt phân biệt sự khác nhau giữa truyền thuyết và cổ tích lịch sử; truyền thuyết và giai thoại,...

Theo đó, hệ thống sưu tầm có 84 tác phẩm, chia thành 5 nhóm, phân bố trong 12 mảng truyện (xem Bảng 1). Hệ thống (có tính chất mở) này bao gồm những văn bản sáng rõ hơn, so với mọi bản kể xuất hiện trước đây. Các nhóm, mảng<sup>2</sup> trong hệ thống có khả năng thu nhận bất cứ truyền thuyết nào (thỏa điều kiện) được sưu tầm và phát hiện tiếp sau này.

Bảng 1. Hệ thống truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ (1858-1918)

Nhóm truyền thuyết	Mảng truyện	Số lượng Tỷ lệ %
1. Địa danh	1.1. Liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương	13 tác phẩm (15.5%)
	1.2. Liên quan đến những cuộc khởi nghĩa khác	
2. Về cuộc khởi nghĩa của Trương Định	2.1. Về Trương Định	11 tác phẩm (13.1%)
	2.2. Về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Trương Định	
3. Về cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương	3.1. Về Thiên Hộ Dương	22 tác phẩm (26.2%)
	3.2. Về tướng lĩnh của Thiên Hộ Dương	
	3.3. Về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương	
4. Về cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực	4.1. Về Nguyễn Trung Trực	13 tác phẩm (15.5%)
	4.2. Về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực	
5. Về những cuộc khởi nghĩa khác	5.1. Về cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân	25 tác phẩm (29.8%)
	5.2. Về những cuộc khởi nghĩa ở miền Đông Nam Bộ	
	5.3. Về những cuộc khởi nghĩa ở miền Tây Nam Bộ	
5 nhóm	12 mảng truyện	84 tác phẩm (100%)

#### 4. Nhóm truyền thuyết địa danh

Trong 13 truyền thuyết địa danh tìm được, có 7 truyện liên quan đến Thiên Hộ Dương (tỷ lệ 53.8%). 6 truyện còn lại kể về những nhân vật anh hùng khác. Hẳn, đây là con số biết nói: Thiên Hộ Dương đã sống sống đến mức nào trong sự tôn thờ, tưởng nhớ của nhân dân.

4.1. Thiên Hộ Dương dấy nghĩa ở Tháp Mười không lâu, nhưng bấy nhiêu năm tháng ấy đủ thành thời gian huyền thoại, sống mãi cùng các truyền thuyết địa danh này. Nhân dân tự hào lấy "thời Thiên Hộ Dương" làm mốc, để nhắc bao điều mới cũ. Thời gian thành chứng nhân của vô vàn sự kiện: mở đường, xây tháp, lập trại, giao tranh,... Rồi chiến công và máu đổ... Các chuyện không có ngày tháng kiểu biên niên nhưng vẫn được hình dung cụ thể, bởi chúng gắn liền những sự kiện xác thực. Thời gian lúc này đã gắn chặt, hàn sâu địa danh vào lịch sử. Những rạch Ông Voi, vàm Bà Bầy, khu Mả Lớn, Tháp Mười,... theo đó, đã thành địa danh lịch sử.

4.1.1. Còn không gian trong tác phẩm đúng là đặc trưng của đất phương Nam hoang sơ, bí hiểm. Nơi đây, sông rộng mênh mông, *sóng nước xoáy nhào, lồng lộn*, đôi phen *cá sấu* chờ người. Ngày kia, đột nhiên hiện lên một *đoi đất lạ*. Rồi *vàm sông* sóng bủa, ghe xuồng len lỏi vào muôn vàn *con rạch* dọc ngang. Nào *rạch Ông Voi*, *rạch Bà Bướm*, đến *rạch Cái Sao*, *rạch Càn Lố*, rồi *rạch Thầy Khâm*,... Tận cùng con rạch luôn là *vùng trũng thấp* sinh lầy, ma thiêng nước độc:

*“Muối kêu như sáo thổi  
Đĩa lợi tợ bánh canh”*

Nó ghê rợn đến nỗi:

*“Tây vô Đồng Tháp làm ma không đầu”*

Trong từng câu chuyện, không gian hiện lên, giản dị và sống động như nó vốn có. Tại những *đoi*, *vàm*, *rạch*, *trũng* ấy, con người tính kế sinh nhai còn khó, huống hồ lập thành căn cứ chống Tây. Thế mà, Thiên Hộ Dương và dân mộ nghĩa quả dám làm chuyện “*đội đá vá trời*”. Ai ngờ, họ đã làm nên đại sự, đúng nghĩa “*long trời lở đất*”. Bởi, nếu không có dấu chân người yêu nước, đất Tháp Mười làm sao *lún sụp* để thành *rạch Ông Voi*, *mương cau Bà Bầy* làm gì *sạt lở* đến mức thành sông, *sâu rộng* đến giờ? Những câu chuyện “*kinh thiên động địa*” ấy đã biến Đồng Tháp Mười thành một *không gian thiêng*. Nó chẳng phải chuyện hình thành vũ trụ của thời ông khổng lồ gánh núi đào sông. Nhưng nó đã là chuyện những con người Nam Bộ cần cù khai hoang mở đất, nay dám “*cái*” vụn trời, định chuyển xoay thời thế.

4.1.2. Không gian ở đây còn có *khu Mã Lớn* đau thương, một *trường án Đoi Me* đẫm máu, một *Đình Trung* thâm nghiêm, sừng sững. Những không gian ấy luôn gần gũi, che chở, bảo bọc con người, cả khi sống lẫn lúc hy sinh. Không gian thiêng lại càng thiêng, bởi lần lượt đón về anh linh những người con yêu nước.

Có thể nói, gắn liền cuộc kháng chiến của Thiên Hộ Dương, những địa danh vùng Đồng Tháp còn lưu lại hôm nay chính là dấu tích của không gian thiêng và thời gian lịch sử.

4.2. Nổi bật trong các truyện này là những nhân vật phụ nữ bình thường (3/7 truyện, chiếm 42.9%). Đó là bà Bướm, bà Bầy, bà Hoàng Thị Quá, bà Nữ. Tất cả lớn lên từ miền sông nước Cửu Long. Họ sống thâm lặng, đảm đang, hiền hòa, giàu tình nghĩa. Ngay như bà Bướm “*dù là con gái bá hộ nhưng nàng*

sống chan hòa, thân ái với bà con tá điền và thường hay giúp đỡ những người nghèo khổ”. Bản tính thâm lặng thường ngày của họ, khi đối mặt kẻ thù, bỗng thành đức kiên trinh. Họ thà chết chứ không hé răng nửa lời, quyết không tiết lộ bí mật của nghĩa quân (bà Bầy). Họ đem sự đảm đang, tháo vát để giúp nghĩa quân mở đường, di chuyển qua sông (bà Bầy, bà Nữ). Họ cùng gia đình giúp đỡ nghĩa quân tiền của (bà Bầy, bà Bướm). Họ thủy chung với người anh hùng chí lớn, như một cách hướng đời mình vào cuộc tranh đấu gìn giữ quê hương (bà Bướm). Khi cần, họ trở nên quyết liệt. Họ dám xông vào kẻ thù, quyết không để thủ cấp chồng ô uest trong tay giặc (bà Hoàng Thị Quá). Nhìn xa hơn, trước họ, đất này đã có những tấm gương người sáng (bà vợ Đốc binh Vàng tuần tiết theo chồng). Chính sử không hề biết đến họ. Nhưng trong lòng nhân dân, họ chính là những trang liệt nữ. Họ vẫn đời đời hiện hữu, trong những đình thờ, qua những địa danh gần gũi, thân thương.

4.3. Bên cạnh phụ nữ là tập thể những anh hùng bình dị, vô danh (4/7 truyện, chiếm 57.1%). Trong các mẫu chuyện, họ không có chân dung. Dấu ấn để lại của họ chỉ là những công trình lặng lẽ. Họ mở đường đánh giặc, khiến bãi bùn lún sụp thành rạch Ông Voi, khiến mương cau Bà Bầy sạt lở thành khúc sông nước trào sóng cuộn. Họ ngày đêm xây đồn đắp lũy, khiến dân gian truyền tụng mãi ngôi tháp mười tầng,... Nhân dân tự hào và nhớ thương họ. Những cái tên khu Mả Lớn, trường án Cần Lố như vết thương lòng đau nhói. Kẻ thù muốn chôn vùi dấu tích họ, nhân dân càng quyết tâm sửa sang phần mộ họ. Nhân dân đặt tên cho đất, như một cách khẳng định mảnh đất này mãi mãi thuộc về những nghĩa sĩ vô danh.

5. Chỉ có 6/13 truyện thuyết địa danh (tỉ lệ 46.2%) đến các cuộc khởi nghĩa khác. Con số thật ít ỏi. Chúng lại liên hệ rải rác với nhiều cuộc kháng chiến. Sơ bộ có thể nhận thấy rằng, không phải cuộc khởi nghĩa nào, sự kiện lịch sử trọng đại nào thuộc giai đoạn 1858 – 1918 cũng kết tụ được thành truyện thuyết địa danh.

5.1. Khác với truyền thuyết liên quan đến Thiên Hộ Dương vẫn đề cập ở (4), các tác phẩm này thường nêu thời gian chính xác. Sự kiện lịch sử giới hạn trong 15 năm đầu đánh Pháp. Một võ quan Nguyễn Phương Hồng mưu sự khi “thực dân Pháp kéo quân chiếm phủ Tân Ninh”, rồi Phan Liêm – Phan Tôn nổi dậy “lúc Pháp vừa chiếm xong ba tỉnh miền Tây”. Đến năm 1867, Quân Bạch chọn vàm rạch làng Tân Tịch làm căn cứ. Cũng năm này, ở Vĩnh Long, quân Pháp nghênh ngang xúc phạm miếu thờ. Sang 1872, “nhóm nghĩa quân

vùng Cầu Vông (Vĩnh Long) nổi lên kháng Pháp. Lãnh tụ kháng chiến là đốc binh Lê Cảnh và Nguyễn Giao”.

Nhìn lại, ở mảng truyện địa danh gắn với Thiên Hộ Dương, những từ ngữ kiểu “ngày xưa, khi xưa, không biết tự bao giờ” khá phổ biến, khiến tác phẩm pha ít nhiều sắc màu cổ tích. Nhưng đến mảng truyện này, xu hướng gợi năm tháng cụ thể đã khiến truyện thuyết ngả đậm màu lịch sử. Nhìn chung, khuynh hướng truyện thuyết dù bịa đặt vẫn có ý thức gán sự xác thực để tạo nên niềm tin. Phải chăng, vì Thiên Hộ Dương sống và chiến đấu gần gũi nhân dân nên các truyện thuyết địa danh liên quan đến Ông thường do người dân quê kể lại. Chính tư duy cổ tích, phương thức truyền miệng mách bảo họ phải kể về lai lịch địa danh như thế. Còn ở các truyện thuyết địa danh khác, người kể lại là những trí thức gần dân. Tư duy chép sử giúp họ lưu giữ được sự kiện chính xác từng năm tháng.

5.2. Về không gian, 6 truyện trên vẫn hiện diện các vàm, rạch, vũng... như từng thấy ở nhiều truyện liên quan đến Thiên Hộ Dương. Nhưng chúng không phải sông mới chảy, đất mới bồi. Chúng chỉ là nơi địa lợi chờ đón anh hùng. Đó là vàm rạch làng Tân Tịch địa thế “hiểm trở, rừng cây rậm rạp”; là “ngọn rạch Cái Răng, tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông”, là đám lá tối trời “mọc toàn dứa nước dày đặc, dày đến nỗi không thấy bóng mặt trời”... Tạm gọi, đây là không gian chiến trận.

5.3. Ở các truyện này, không gian còn một nét riêng, mà chúng tôi chưa thấy trong mảng địa danh trước. Đó là sự hiển linh. Có 4/6 truyện như thế (chiếm 66.7%). Tại vùng Cầu Vông, sau vụ thảm sát của kẻ thù, “nơi đây thành một vùng âm khí nặng nề, thê lương. Đêm đêm nghe như có hàng trăm, hàng ngàn tiếng ma kêu quỷ khóc”. Gần cửa Soi Rạp (Gò Công), sau ngày Trương Định tử trận, “đêm đêm, ở vùng đám lá tối trời như có tiếng gào thét, như tiếng binh đao va chạm. Có khi, nghe như tiếng thiên binh vạn mã rầm rộ kéo đi. Có lúc lại nghe ngựa hí, người la và tiếng trống trận”. Còn tại làng Thanh Điền, phủ Tân Ninh (Tây Ninh), mọi người thấy một gốc cây lạ trên sông, quanh quẩn nơi ông Nguyễn Phương Hồng trầm mình tuần tiết. Đã thế, ban đêm “Hương cả làng được ông Nguyễn Phương Hồng về báo mộng rằng, ông còn nặng nợ với núi sông nên chưa muốn siêu thoát”. Riêng tại phủ thờ Tống Quốc Công, anh linh vị tiền nhân đã phát ứng, xô té nhào bọn Pháp ngang tàng, xác xược. Những chi tiết lạ này, theo chúng tôi, không đơn giản là dấu hiệu mê tín, mà chính là cách nhân dân thổ lộ nỗi buồn thương và trao gửi

niềm tin tuyệt đối vào các anh hùng. Chúng tôi xin được gọi những nơi này là *không gian linh ứng*.

5.4. Khác với truyền thuyết địa danh liên quan đến Thiên Hộ Dương, ở mảng truyền thuyết này, nhân vật chính hầu hết là những anh hùng tên tuổi. Đó là Quán Bạch chỉ huy đoàn binh hùng mạnh như hổ, đốc binh Lê Cần – Nguyễn Giao lập mưu diệt giặc, võ quan Nguyễn Phương Hồng tử tiết vì khởi sự không thành. Rồi anh hùng Trương Định dưng binh giữa miền hiểm trở. Ngay như quốc công Tống Phước Hiệp, đã thác từ xưa, vẫn hiển linh phù hộ nhân dân, trừng trị kẻ thù xâm lược.

Phần đông, họ không có điều kiện gắn gũi nhân dân như anh hùng Thiên Hộ. Lai lịch họ còn nhiều khoảng trống, chưa đủ đầy đặn để kết tụ thành nhiều truyền thuyết như trường hợp Thiên Hộ Dương. Tuy vậy, họ vẫn được nhân dân tưởng nhớ. Trong tâm thức mọi người, việc gắn tên tuổi anh hùng với một vàm sông, một đám lá, một vũng linh,... đó là cách bày tỏ sự thấu hiểu, thương cảm, trân trọng của đời sau đối với những người vì quốc vong thân.

Sự hiện diện của các nhân vật anh hùng, từ đó, khiến cách giải thích lai lịch địa danh trở nên xác thực hơn, giàu sức thuyết phục hơn.

**6. Ở nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực, chúng tôi chia làm hai mảng truyện. Riêng mảng truyện về Nguyễn Trung Trực có 6 truyền thuyết.**

Thời gian trong mảng truyện này kể lại sự khởi đầu từ thời niên thiếu của anh chàng Lịch đến sau khi người anh hùng lâm liệt hy sinh. Những thời khắc lập chiến công, những lần chuyển dời địa bàn chiến đấu của nghĩa quân đều được đề cập đến. Nhưng được miêu tả tập trung nhất, bi tráng nhất chính là thời gian người anh hùng thất thế và bị đưa ra pháp trường hành quyết. Cách miêu tả thời gian đôi khi mang tính ước lệ, kiểu "*hồi ấy, sau này, một thời gian sau, có một lần,...*". Tuy nhiên, *cụ thể, chính xác* vẫn là đặc điểm chung của các truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực. Đó là những con số gắn chặt một đời người: "*Ngày 11/12/1861, Ngài chỉ huy đột kích tàu Espérance tại vàm Nhật Tảo... Đêm 18/9/1868, quân Pháp xông xáo vượt biển, ập đến bao vây bất thành lĩnh đảo Phú Quốc... Ngày 27/10/1868, giặc lập pháp trường...*"

6.1. Không gian trong các truyện mở ra từ xóm Nghê (phủ Tân An) qua vàm sông Nhật Tảo, đến Phú Quốc, Rạch Giá, Hà Tiên. Ở đó, sông nước

mệnh mông, cá tôm nhiều vô kể. Những chốn hoang vu, rấn hổ mây đi cả bầy đàn... Trên sông, tàu giặc dọc ngang. Rồi những vùng căn cứ, những đồn Tây,... Cuối cùng, không gian gợi lên không khí đau thương nhất là pháp trường Rạch Giá.

6.2. Nhân vật trung tâm trong các truyện là anh hùng Nguyễn Trung Trực. Con người ấy được nhân dân Nam Bộ yêu thương và kính trọng. Nhân dân kiêng gọi tên húy của Người. Những ngày tháng nêu trong truyền thuyết phù hợp với sự kiện lịch sử. Đoạn kết bi thương trong truyền thuyết cũng mang dáng dấp sự thật lịch sử. Nhưng truyền thuyết không ghi chép sơ lược, càng không ép mình theo lịch sử.

Truyền thuyết dựng nên sống động một hình tượng anh hùng. Đó là anh chài Lịch thành thạo nghề sông nước, có tài bơi như rái cá. Xuống nước, anh thường bắt được những con cá rất to. Lên bờ, anh bẻ cổ rấn hổ mây, phi thân bắt quạ. Sức mạnh phi thường, võ nghệ tuyệt luân, anh hăm hờ tìm phương cứu nước. Lại thêm tài trí vô song, anh đã lập mưu, đốt cháy tàu Tây nơi vàm Nhật Tảo. Chiến công vang dội, dân mộ nghĩa tấp nập theo về, anh chài Lịch nay trở thành Ông Soái, Ông Nguyễn, đưa quân đi khắp các vùng sông nước miền Nam.

Hình tượng người anh hùng còn được thể hiện như là người con hiếu thảo với mẹ, trọn tình vẹn nghĩa với nhân dân. Con người ấy thà hy sinh tính mạng chứ không để kẻ thù hành hạ mẹ già, đàn áp nghĩa quân.

Để cứu mẹ, cứu dân, bảo toàn lực lượng, Ông Nguyễn chấp thuận ra hàng. Ông bình thản chọn cho mình cái chết. Nghĩa cử cao đẹp này xuất hiện nhất quán trong cách xây dựng nhân vật của các truyền thuyết. Tuy nhiên, so với chính sử, đó là sự lệch pha khác thường. Bởi, khá nhiều cứ liệu lịch sử khẳng định Nguyễn Trung Trực bị Pháp bắt chứ không phải tự nguyện đầu hàng: *"Sau trận quyết tử kéo dài từ bãi biển Cửa Cạn về bãi Ông Lang, ông bị bắt tại bãi Ông Lang, bên cạnh đám rau muống biển"*<sup>3</sup>, *"... ông cố tình chạy về Dương Đông để xa dần vùng căn cứ, cuối cùng ông kiệt sức, bị giặc Pháp bắt được tại bãi Ông Lang"*<sup>4</sup>. Có nhà nghiên cứu còn nhấn mạnh sự khác nhau quan trọng giữa "đầu hàng" và "bị bắt". Cần biết, kẻ thù, hễ thuận cho đối phương đầu hàng thì không giết; ngược lại, muốn giết thì không chấp nhận đối phương đầu hàng. Vậy, tại sao chẳng truyền thuyết nào kể rằng người anh hùng bị kẻ thù bắt sống? Điều này hẳn xuất phát từ tình cảm và thái độ của nhân dân: không cam lòng thừa nhận người anh hùng chiến bại, hay đúng hơn,



đấy là tình huống bộc lộ trọn vẹn khí tiết của người anh hùng. Sự ra hàng của người anh hùng là một cách hy sinh: thà chết cho người thân được sống.

6.3. Hoặc như sự kiện Ông Nguyễn bị kẻ thù cật vấn, giới sử học thực dân xuyên tạc, cho rằng Ông đã nói: *"Tôi không ngờ sự thật là quân Pháp quá mạnh hơn tôi đã tưởng tượng. Nếu biết trước sự thật đó, có thể tôi ra giúp người Pháp từ lâu"*. Đọc những dòng này, ai cũng nhận ra, đó không thể là lời nói, thái độ của người từng tuyên bố: *"Tôi chỉ muốn làm một chức thối: chức gì mà tôi có quyền chặt đầu tất cả bọn Tây!"*; hay *"Tao thà rơi đầu chứ không bao giờ đầu hàng! Tao chết nhưng chúng bay phải biết nước Nam này bao giờ hết cỏ thì mới hết người giết chúng bay"*. Hai cách nói, mang hai tính cách, khẩu khí khác nhau. Điều quan trọng là, những lời xuyên tạc hèn hạ không hề có trong truyền thuyết. Đơn giản vì nó không phản ánh chân thực tính cách người anh hùng, vì nó không thể hiện đúng tình cảm và tư tưởng của nhân dân.

Rồi đến sự kiện Ông Nguyễn bị hành hình, sử liệu chỉ ghi vắn tắt *"Ngày 27 tháng 10 năm 1868, Nguyễn Trung Trực bị thực dân Pháp xử công khai tại Rạch Giá"*. Nhưng truyền thuyết đã miêu tả cụ thể, cảm động tình cảm mà nhân dân Rạch Giá dành cho Ông. Truyền thuyết còn tái hiện kỳ ảo chuyện rơi đầu của vị anh hùng.

Xin ghi lại một số bản kể khác nhau về tình tiết đầu rơi của Nguyễn Trung Trực:

- Thế rồi, lưỡi dao đao phủ chém xuống. Đầu Ngài rơi, nhưng hai tay của Ngài đưa lên hứng lấy, đặt ngay chỗ cũ. Đôi mắt của Ngài vẫn trừng trừng sáng quắc, làm cho ai nấy cũng phải kinh hoàng và thán phục.

- Khi đầu vừa rời khỏi cổ, Ông Nguyễn đã lập tức đưa hai tay nâng lấy đầu mình, không cho rơi xuống. Máu từ cổ Ông phun ra như cầu vồng tươi thắm. Lát sau, thủ cấp Ông nằm trên đất nhưng mắt vẫn tròn trĩnh, trông mắt liên tục đảo qua đảo lại. Trông mắt Ông chiếu thẳng vào tên Bồn Tựa, hấn kêu thất thanh, hộc máu chết tại chỗ. Đảo qua bên mặt thì một loạt tên giặc ngã nhào. Đảo qua bên trái thì một loạt tên khác lăn quay.

- Tục truyền, Ông Nguyễn bị chém, nhưng Ông không để đầu rơi xuống đất. Hai tay ông nâng lấy đầu mình. Đôi mắt ông tròn ngược, trông mắt đảo qua đảo lại, chiếu thẳng vào tên đao phủ. Hấn hốt hoảng, rú lên thất thanh và hộc máu chết ngay tại chỗ. Bọn lính Pháp bỗng sững đứng sắp hàng ở pháp trường hải hùng, nhìn tránh đi nơi khác...

Có thể nói, đối với nhân dân, anh hùng Nguyễn Trung Trực đã thực sự hiển linh, hóa thân ngay thời khắc hy sinh lâm liệt.

Từ những so sánh trên, chúng tôi xin khép lại vấn đề bằng nhận định của Bùi Mạnh Nhị: “So với chính sử thì Nguyễn Trung Trực trong truyền thuyết dân gian sống động hơn rất nhiều”. Sự sống động ấy đã chứng tỏ vai trò quan trọng của truyền thuyết trong việc bổ sung phần khiếm khuyết, điều chỉnh những lệch lạc của chính sử; đồng thời thắp mãi ngọn lửa yêu nước, tình cảm tri ân trong lòng người dân Việt Nam bao thế hệ.

7. Hàng loạt motif phổ biến, đặc sắc đã xuất hiện, tiêu biểu cho sắc vóc của hệ thống truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918). Để thuận lợi cho việc khảo sát, các motif này được chúng tôi xếp vào từng nhóm motif phù hợp. Xin giới thiệu một vài nhóm tiêu biểu.

### 7.1. Trước hết là nhóm motif *liên quan đến địa danh*

Nhóm này xuất hiện khá nhiều trong các truyện hình thành địa danh lịch sử, tập trung vào việc giải thích nguồn gốc tên gọi các doi, vàm, rạch, vũng, các đền miếu,... đã hoặc đang tồn tại trên đất phương Nam. Chúng bao gồm nhiều motif lạ: *mở lối đi, đất sạt lở, tìm đất hiểm, vùng đất giao tranh, lưu kỳ tích, vùng đất đẫm máu, khắc ghi tội ác, vùng đất hiển linh, tưởng nhớ người dũng liệt, tên gọi khác,...*

Các motif trên đều xoay quanh những nhân vật và sự kiện lịch sử hệ trọng. Đó là một Thiên Hộ Dương xây Gò Tháp; một Trương Định lui binh về đám lá tối trời; một cố quân Trần Văn Thành cùng vợ khai kênh, đào hồ, mở mang căn cứ; rồi Lê Cẩn – Nguyễn Giao lập mưu giết giặc;... Gắn liền đất mới phương Nam, qua bao lần thử lửa, mỗi vàm sông con rạch, mỗi lãng mộ miếu thờ, từ khi có tên, đều in dấu một bước đường gian nan chống Pháp. Con người Nam Bộ, vốn là những kẻ dám cãi trời, cãi mệnh, dám bỏ Đảng Ngoài vào xứ lạ, khẩn đất, khai hoang. Phù sa bồi chưa ráo, hạt giống chưa nên cây, thế mà ngoại xâm đã đến. Triều đình hèn hạ quỳ gối xin hàng. Con người Nam Bộ, một lần nữa, chứng tỏ bản lĩnh cãi trời - cãi lại giáo điều phong kiến. Vua quan không ủng hộ, giặc tàn sát thẳng tay. Nhưng họ vẫn tự nguyện làm dân mộ nghĩa. Không ai dạy đánh giặc lối nào. Trời không khuyên lập cứ nơi đâu. Họ tự mò mẫm tìm đường chống giặc. Người dân Nam Bộ quả là những anh hùng tiên phong trên tuyến đầu chống Pháp. Hình tượng ẩn dụ *mở lối đi*, từ đó, mang ý nghĩa thật tráng lệ. Nó có sự dự phần của motif tình tiết: motif *đất sạt lở*. Nếu tin theo điểm trời, một khi đất lở trời long, ất nước non có biến. Nhưng tin theo lòng dân, một khi đất sạt đến thành sông, ất là lúc nghìn người như một, lúc cả dân tộc có thể thay trời, tự quyết vận mệnh của mình. Phải chăng,

điều ấy, khi vào truyền thuyết, chúng là mầm mống tạo thành các motif hạt nhân: motif *mở lối đi*, motif *tìm đất hiếm*.

Thuộc nhóm motif về địa danh nên các motif tình tiết trong đó đều liên quan đến đất. Có *đất hiếm*, ắt có *đất giao tranh*. Có *giao tranh*, ắt có *đất ghi chiến công, kỳ tích*. Nhưng đôi phen, sức cùng lực tận, con người đón đau chứng kiến quê hương đã thành *vùng đất đầm máu*. Máu càng đổ, tội ác giặc càng chất chồng, đất thành *nơi khắc ghi tội ác*. Sự hy sinh dũng liệt khiến các anh hùng càng ngời sáng trong ký ức nhân dân. Đất lành giờ đã hóa *đất thiêng*. Và thời gian luôn dự phần vào sự định danh những vùng đất, di tích đó. Những *tên gọi khác* thay nhau. Người ta muốn đặt tên cho đất, bởi đất vốn có hồn. Người ta đổi tên khác cho đất, để đất giữ dùm niềm tự hào lớn lao, nỗi đau thương xé ruột. Vàm rạch làng Tân Tịch, vì thế, đã thành *vàm Hồ Cứ*. Rồi Đồi Me phải chịu thành *Khu Mả Lớn*,... Thời gian trôi đi, đời sau tìm cách *nói trại* đi tên đất, như để xóa nhòa dần những ký ức bi thương. Rạch Hai Nàng, theo đó, đã thành *rạch Nàng Hai*, Vũng Linh oan khốc đã thành *Vũng Liêm* lặng lẽ, hiền hòa,...

7.2. Giữ số lượng phong phú nhất chính là nhóm motif về *sự ra đời, hình dạng, hành động, tài nghệ của các nhân vật anh hùng*. Trong đó, nổi bật lên một số motif: *ngoại hình khác lạ, ăn khỏe, hành động phi thường, tiếng đồn xa, thu phục người tài, được anh hùng hảo hán cảm phục, lập cơ mưu*,...

Xin điểm qua motif *hành động phi thường*.

Motif này từng hiện diện trong truyền thuyết về bà Triệu, Phùng Hưng, Ông Khổng Lồ, Yết Kiêu, Quận He,... Hành động của các nhân vật ấy thường do nhận được phép lạ, hoặc hiển nhiên mà có.

Riêng ở truyền thuyết dân gian Nam Bộ, *hành động phi thường* của nhân vật xem như hệ quả tất yếu của việc *ăn khỏe* (tên một motif trước đó). Với sức mạnh vượt trội, họ nảy sinh hành động phi thường.

Thế nhưng, họ đã làm được điều gì? Đây là Thiên Hộ Dương lực sĩ, có thể "*cử một cái đỉnh đồng nặng hai trăm cân, đi mười bước rồi để xuống, mặt không hề biến sắc*", hoặc nhẹ nhàng "*cử một lần năm trái linh, mỗi trái nặng sáu mươi cân. Mỗi tay xách hai trái, miệng cắn một trái*". Kia là ông Nghé nghĩa hiệp: "*Có con heo rừng rất lớn, lông cứng như rễ cây, hai nanh dài cong vút, mắt long lên dữ tợn đang vào ấp ủ vườn, phá nhà. Không sợ hãi, chần chừ, ông vung cây mác mang theo, chạy tới, chặn con heo rừng lại. Hai bên*

quần nhau từ buổi sáng đến xế chiều. Sau cùng, heo rừng mới bị ông bẻ treo chân, đâm chết". Ấy là Lê Huy Nhạc đây đứng mãi: "người cao lớn, vạm vỡ chạy như bay, đuổi theo một con rắn khổng lồ (...) Người nọ và rắn quần nhau dữ dội. Rắn đuổi sức dần. Người nọ chân đề mạnh lên khúc đuôi, một tay nắm chặt cổ rắn, còn tay kia mổ bụng giết rắn". Còn đây, Chánh lãnh binh Nguyễn Hương đây uy vũ: "Ông quát mắt nhìn cọp và chờ nó tấn công. Nhưng con thú sợ sệt nằm im, không dám ngó ông. Trước sự ngạc nhiên của các quan và đồng đội, ông tiến đến nắm lấy chân trước của cọp dựng lên cao, định đạp đầu xuống đất". Hay như Bốn Ông ở Cai Lậy đây biến ảo: "Có lần, gặp bất trắc, để thoát thân, một trong bốn ông đã cạy thêm bên nách một cháu nhỏ khoảng 10 tuổi, chạy vun vút như tên, tóe xỏ ra phát phới như lá cờ".

Phép lạ nào giúp những con người ấy làm chuyện phi thường? Cả đời, họ chưa hề được uống linh đan, cũng chẳng thần tiên nào phò trợ. Nhưng họ đã phải sống trên vùng đất đầy gian nguy, thử thách. Đất miền Nam đồng hoang cây rậm. Người khẩn đất khai canh xem như làm cuộc tuyên chiến, giành lãnh địa của măng xà, heo rừng, cọp dữ. Những thế lực hung ác ấy, nếu không thuần phục được, con người đành quyết đấu một mất một còn. Không ít người gục ngã thế lương. Nhưng nghìn vạn người đã trụ vững, đã khẳng định tư cách chủ nhân ông trên miền đất mới. Như vậy, chính hoàn cảnh khác thường đã tạo ra con người phi thường. Tư thế họ uy nghi, lẫm liệt, kém thua đâu một Võ Tông đả hổ, một Thạch Sanh chém chết trăn tình.

Rồi ruộng mới vỡ hoang, đất rộng người thưa. Mỗi người phải cố sức làm việc bằng ba bằng bốn. Gặp muôn trùng thử thách, người dân Nam Bộ luôn biết nương tựa vào nhau, gồng gánh cho nhau. Trong tập thể ấy, thế nào cũng nảy sinh những người giỏi giang, hào hiệp. Họ hành động phi thường ngay trong công việc nhà nông. Đón cử, thuở chưa thành vị tướng tài ba của ngài Thiên Hộ, ông Phòng Biểu đã là một lực điền xuất chúng: "gặp chiếc ghe lườn to chở đầy mạ, mắc cạn không đi được, ông lội ngay xuống sông, xốc mũi ghe, kéo sênh sệch trên đất bùn". Đến ngày cấy lúa, "một mình ông kéo nổi chiếc ghe chứa trăm gia lúa qua lại trên ruộng cho mọi người rải mạ cấy. Vậy mà ông còn thời gian chạy lên bờ đánh cờ với bạn". Hay cùng bạn nghèo đi tát đìa mướn, "cá được chở về bằng xe trâu. Dọc đường, xe gãy cốt. Sợ để lâu, cá ươn, mọi người chia nhau gánh cá. Riêng mình ông gánh đến năm gia cá". Thử hỏi khắp hai vùng Trung, Bắc; có thửa ruộng nào mệnh mông đến mức phải chở mạ cấy bằng ghe lườn; phải đẩy ghe thóc giống trên ruộng cho mọi người gieo mạ? Và nơi đâu cá tôm nhiều đến nỗi người bắt phải tính bằng hàng gia.

Một môi trường lao động khác thường như thế, hẳn nhiên phải tạo ra những tài năng có hành động phi thường.

Không thể phủ nhận, nhân vật phi thường trong truyền thuyết Nam Bộ ít nhiều mang bóng dáng những anh hùng trong dã sử, trong cổ tích thần kỳ. Thế nhưng, vẻ đẹp của họ lại mang sức hấp dẫn và tính thuyết phục tuyệt đối. Bởi, họ là những con người phi thường ngay trong cuộc đời thường. Công việc cấy cày vất vả, những cuộc đấu tranh khốc liệt với thiên nhiên và kẻ thù trên đất phương Nam là hoàn cảnh đã hun đúc, rèn trui nên họ. Chính nhờ đặc điểm này mà truyền thuyết Nam Bộ đã tiếp nhận các motif truyền thống ở vùng ngoài một cách tự nhiên.

8. Biểu hiện rõ nhất sức sống của thể loại truyền thuyết chính là mối quan hệ biện chứng giữa thể loại này và các chứng tích văn hóa. Nếu như truyền thuyết là động lực hình thành, lý giải chứng tích văn hóa thì ngược lại, chứng tích văn hóa là không gian nuôi giữ sức sống, cái thiêng cho truyền thuyết.

8.1. Truyền thuyết là thế giới của quá khứ. Nó là một dĩ vãng thiêng liêng. Khi kể một truyền thuyết, con người như muốn thế hệ sau đừng lãng quên và giữ gìn phần thiêng liêng của quá khứ. Cái thiêng ấy, một khi đã nhập vào đời sống tâm linh, chúng tự xóa nhòa ranh giới giữa văn chương và cuộc đời. Khi ấy, con người nảy sinh nhu cầu bảo vệ tính xác thực của truyền thuyết dân gian. Họ tìm cách gìn giữ mọi vết tích có liên quan đến sự kiện, nhân vật trong truyền thuyết. Họ cố gắng tạo ra, gởi lại những vết tích gắn với cái thiêng trong truyền thuyết. Nhờ vậy, hàng loạt chứng tích văn hóa liên quan đến truyền thuyết dân gian được hình thành và còn lưu lại trên đất nước ta.

Truyền thuyết dân gian Nam Bộ không ngoài qui luật đó. Trên mảnh đất những người “phá sơn lâm, đâm hà bá”, hết đẹp thù trong đến đuổi giặc ngoài, truyền thuyết càng trở đòng sai hạt trong đời sống tâm linh con người phương Nam. Đầu óc tuy thiết thực, dễ hội nhập cái mới, nhưng không vì thế, người dân Nam Bộ hờ hững với những giá trị tinh thần, quên lãng phần quá khứ thiêng liêng. Trên bước đường khẩn đất, giữ nước, người dân Nam Bộ đã tạo cho vùng đất trẻ phương Nam khá nhiều chứng tích văn hóa, đặc biệt là những chứng tích liên quan đến truyền thuyết dân gian buổi đầu chống Pháp (1858 – 1918): *địa danh; lăng, mộ; miếu, đền, đình thờ; lễ hội; ...*

8.2. Mang tâm thức chung của người Việt, người dân Nam Bộ hết sức tôn thờ, gìn giữ phần mộ của người quá cố. Quan niệm “sống cái nhà, thác cái mồ” khiến họ đặc biệt coi trọng nghi thức tang lễ và nơi lập mộ. Dân gian còn tin, phần mộ ông bà, nếu táng nơi đất tốt (hàm rồng) sau này có khi vượng phát toàn tộc họ. Theo quan niệm Nho giáo, ngôi mộ cũng là nơi tỏ rõ khí tiết, quyền uy; nơi luận bàn công – tội (lúc sinh thời) của người đã khuất. Bởi thế mới có tích “gươm hùm treo mộ”. Bởi thế mới có chuyện vua đang trị vì đã vội xây lăng, công thần đã chết còn bị vua xiềng mã.

Theo quy chế thờ tự của triều đình phong kiến, dân thường quá cố chỉ được lập mộ. Chỉ vua chúa, những bậc quyền quý mới được xây lăng.

Tuy nhiên, người dân Nam Bộ không nhất nhất tuân theo quan niệm, quy chế thờ tự ấy. Biết bao anh hùng nằm xuống nơi doi đất, đồng hoang (nào phải long mạch, hàm rồng), thế mà, nhân dân vẫn xem đó là chốn linh thiêng. Có những anh hùng bị hành quyết, kẻ thù cấm chôn cất thì hài nhưng nhân dân vẫn bí mật an táng và xây mộ. Ngôi mộ, đôi khi chỉ là gò đất giữa đồng, nhưng được bao thế hệ tôn thờ, gìn giữ. Có những anh hùng, xuất thân chân bùn tay lấm, nhưng một khi vì nước hy sinh, họ vẫn được nhân dân các thế hệ tìm cách xây lăng. Chính nhờ tấm lòng yêu nước, ý thức trân trọng, bảo tồn truyền thống, người dân Nam Bộ đã có công lưu giữ nhiều lăng mộ, liên quan đến những nhân vật anh hùng trong truyền thuyết dân gian buổi đầu chống Pháp: Trương Định, Trịnh Viết Bàng, Phòng Biểu, Đốc Binh Kiều, Tứ Kiệt, Nguyễn Trung Trực, Phan Văn Đạt, Phan Công Hớn, Thủ Khoa Huân,...

**Kết luận.** Nhìn chung những truyền thuyết được khảo sát nằm trong một hệ thống mở, thuộc từng nhóm, mảng truyện. Ở đó, các nhóm truyện cùng lấy nhân vật và sự kiện lịch sử làm nội dung cốt lõi và xuyên suốt. Các anh hùng kháng Pháp được khắc họa thành hình tượng nghệ thuật sinh động và rõ nét. Mỗi tác phẩm đều thấm đượm một tinh thần dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn, sự thông minh, sáng tạo của người dân Nam Bộ trong quá trình kháng chiến chống thực dân xâm lược. So với chính sử, truyền thuyết có được vẻ đẹp hồn nhiên và sức hấp dẫn đặc biệt. Chúng nuôi giữ ngọn lửa truyền thống yêu nước của đồng bào Nam Bộ; bổ sung cho phần khiếm khuyết, cần cỗi, khắc nghiệt của chính sử triều Nguyễn bấy giờ.

Truyền thuyết dân gian Nam Bộ (1858 – 1918) được kiến tạo từ nhiều motif đặc sắc. Chúng vừa tiếp nối nét đẹp truyền thống của truyền thuyết thời

trước, vừa có những sáng tạo mới, mang nét đặc thù của truyền thuyết miền đất phương Nam.

Liên quan đến các truyền thuyết trong hệ thống là sự hiện hữu của những chứng tích văn hóa trong đời sống vật chất, tinh thần người dân Nam Bộ. Chúng mở ra hướng tiếp cận sâu sắc đời sống tâm linh của đồng bào Nam Bộ, đồng thời khẳng định vai trò đặc biệt của truyền thuyết dân gian trong suốt hành trình giữ nước của dân tộc Việt Nam.

*Chú thích:*

- <sup>1</sup> Dương Kinh Quốc với Việt Nam – những sự kiện lịch sử (1858 – 1918); Trần Văn Giàu với Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, tập 1.
- <sup>2</sup> Để thuận lợi cho việc khảo sát, chúng tôi xin tạm dùng các khái niệm này (VPC).
- <sup>3</sup> Nguyễn Văn Khoa. (2001), Anh hùng kháng Pháp Nguyễn Trung Trực, NXB Trẻ, TP.HCM, tr.96.
- <sup>4</sup> Nhiều tác giả, (1989), Nguyễn Trung Trực – thân thế và sự nghiệp, Bảo tàng Kiên Giang, tr.57.
- <sup>5</sup> Nhiều tác giả (sdd), tr.152.

**Tóm tắt:**

**Truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ (1858-1918)**

*Từ các nguồn tư liệu khác nhau, những truyền thuyết dân gian kể về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918) đã được chúng tôi sưu tầm, hệ thống hóa.*

*Hệ thống này bao gồm những văn bản sáng rõ hơn mọi bản kể xuất hiện trước đây. Nó được tập hợp từ các nhóm truyện. Mỗi nhóm truyện xoay quanh một cốt lõi nhân vật và sự kiện lịch sử (trong giới hạn khảo sát).*

*Bài viết này giới thiệu hai nhóm truyện trong số đó: nhóm truyền thuyết địa danh và nhóm truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực.*

*Bài viết cũng giới thiệu hai nhóm motif đặc sắc: nhóm motif liên quan đến địa danh; nhóm motif về sự ra đời, hình dạng, hành động, tài nghệ của các anh hùng. Chúng vừa tiếp nối nét đẹp truyền thống của truyền thuyết các giai đoạn trước, vừa có những nét sáng tạo mới, tạo vẻ đẹp riêng của truyền thuyết miền đất phương Nam.*

*Liên quan đến các truyền thuyết trong hệ thống này là sự hiện hữu của những chứng tích văn hóa. Chúng đã và đang tồn tại trong đời sống vật chất, đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ.*

**Abstract:**

**Folks' legends on the war of resistance against the French colonialists in South Vietnam  
(1858-1918)**

From a variety of sources, folk - legends about our resistance against the French colonialists in the South of Viet Nam from 1858 to 1918 were collected.

The system includes discourses which are clearer and more perfect than any previous ones. Such a system was collected from groups of stories, chiefly telling about key figures and historic events (to the extent of our survey).

The article above introduces some stories of key characters and historical events telling about both traditional beauty in the time and creative features of legends that have existed in the material and spiritual life of the Southerners of Viet Nam.